THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC HỌC PHẦN BƠI CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Huỳnh Nguyễn Kim Ngàn, Nguyễn Văn Xu
Trường Đại học Đồng Tháp
Email: hnkngan@dthu.edu.vn

Tóm tắt: *Mục tiêu của hoạt động dạy học môn bơi cho sinh viên không chuyên nhằm giúp sinh viên nắm vững các kỹ thuật bơi cơ bản, cải thiện sức khỏe và thể lực. Đồng thời, trang bị kiến thức và kỹ năng để đảm bảo an toàn khi tham gia các hoạt động dưới nước. Bên cạnh đó, tạo ra thói quen tập luyện thể thao thường xuyên, nâng cao sức khỏe và thể chất lâu dài. Trong phạm vi nghiên cứu này tác giả sử dụng phương pháp điều tra xã hội học, kết hợp với phỏng vấn nhằm làm rõ thực trạng hoạt động dạy môn bơi cho sinh viên không chuyên tại trường Đại học Đồng Tháp. Nghiên cứu thực hiện trên 252 khách thể gồm: 240 sinh viên và 12 giảng viên dạy bơi tại trường. Nhằm tìm ra điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân của thực trạng. Làm cơ sở đề xuất 05 biện pháp nâng cao hiệu quả chất lượng dạy học môn bơi cho sinh viên không chuyên tại Trường Đại học Đồng Tháp, trong giai đoạn hiện nay.*

Từ khoá: *Môn bơi, sinh viên, không chuyên.*

THE CURRENT SITUATION OF TEACHING SWIMMING COURSES FOR NON-MAJOR STUDENTS AT DONG THAP UNIVERSITY

Huynh Nguyen Kim Ngan, Nguyen Van Xu
Dong Thap University
Email: hnkngan@dthu.edu.vn

Abstract: *The objective of swimming instruction for non-major students is to help students master basic swimming techniques, improve their health and physical fitness, and equip them with the knowledge and skills necessary to ensure safety during aquatic activities. Additionally, the program aims to foster the habit of regular physical exercise, thereby promoting long-term health and physical development. Within the scope of this study, the author employed sociological survey methods combined with interviews to clarify the current status of swimming instruction for non-major students at Dong Thap University. The research was conducted on 252 participants, including 240 students and 12 instructors. The study seeks to identify strengths, weaknesses, and the underlying causes of the current situation, serving as a foundation to propose five solutions to enhance the quality and effectiveness of swimming instruction for non-major students at Dong Thap University in the current period.*

Keywords*: Swimming, students, non-specialized.*

Nhận bài: 18/05/2025 *Phản biện: 12/06/2025* *Duyệt đăng: 15/06/2025*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục thể chất giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển toàn diện con người, trong đó môn bơi không chỉ nâng cao thể lực mà còn là kỹ năng sống thiết yếu, đặc biệt với sinh viên không chuyên. Tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long như Đồng Tháp – nơi sông ngòi dày đặc – kỹ năng bơi lội càng trở nên cấp thiết nhằm phòng tránh đuối nước. Tuy nhiên, hoạt động dạy học môn bơi cho sinh viên tại các trường đại học, điển hình là Trường Đại học Đồng Tháp, vẫn còn gặp nhiều khó khăn như thiếu cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên chưa chuyên sâu, sinh viên thiếu ý thức học tập. Trước thực trạng đó, nghiên cứu thực trạng giảng dạy học phần bơi tại trường là cần thiết để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy. Nghiên cứu không chỉ giúp cải thiện chất lượng giáo dục thể chất mà còn góp phần hình thành kỹ năng sinh tồn, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện và phù hợp với đặc thù địa phương.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện khảo sát ý kiến của 12 giáo viên dạy bơi (GVDB), 240 SV đã tham gia giảng dạy và tập luyện học phần bơi tại Trường Đại học Đồng Tháp. Mẫu khách thể nghiên cứu được lựa chọn ngẫu nhiên và rải đều ở các lớp học phần, đảm bảo tính ngẫu nhiên và mang tính đại diện.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu, ba phương pháp chính được sử dụng để đánh giá thực trạng hoạt động dạy học môn bơi cho sinh viên không chuyên tại Trường Đại học Đồng Tháp. Thứ nhất, phương pháp điều tra viết được triển khai thông qua bảng hỏi với 5 nội dung: đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, chương trình dạy học, kết quả học tập và những khó khăn trong quá trình học bơi. Bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ và căn cứ vào điểm trung bình (ĐTB) để đưa ra nhận định theo các mức độ đánh giá từ "rất không đồng ý" đến "hoàn toàn đồng ý". Thời gian khảo sát kéo dài từ tháng

9 đến tháng 12 năm 2024. Thứ hai, phương pháp phỏng vấn sâu được thực hiện vào tháng 10/2024 nhằm tìm hiểu kỹ hơn các vấn đề đã được chỉ ra từ kết quả khảo sát, hỗ trợ cho quá trình phân tích và đánh giá thực trạng. Thứ ba, phương pháp thống kê toán học được sử dụng với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 22.0 để xử lý số liệu, phân tích ĐTB, độ lệch chuẩn và xếp hạng, từ đó rút ra các kết luận phục vụ nghiên cứu.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Thực trạng hoạt động dạy môn bơi của đội ngũ giảng viên

Kết quả khảo sát tổng hợp ý kiến đánh giá về hoạt động dạy bơi của GV, chúng tôi xây dựng 11 câu hỏi với 05 phương án trả lời của 02 nhóm đối tượng, xử lý kết quả khảo sát cả 02 nhóm đối tượng thu được độ lệch chuẩn dưới 1 và ĐTB lần lượt là 3,69 của GVDB và 3,97 đạt mức 4 mức đồng ý, trong đó:

Nội dung được đội ngũ GVDB đánh giá mức độ đồng ý cao nhất là *"GV có sử dụng các bài tập và hoạt động phù hợp với trình độ của bạn không?"* đạt ĐTB 3,81 đạt mức 4 mức đồng ý. Theo đó, nội dung này các em SV đánh giá xếp thứ 4 đạt ĐTB 4,00 đạt mức 4 mức đồng ý. GV sử dụng các bài tập và hoạt động phù hợp với trình độ bơi của SV sẽ giúp nâng cao hiệu quả học tập và phát triển kỹ năng bơi lội một cách tối ưu. Điều này có tác dụng: Tăng sự tự tin và hứng thú: SV cảm thấy bài tập vừa sức, dễ dàng tiếp cận, từ đó khuyến khích sự tham gia tích cực. Đảm bảo an toàn: Bài tập phù hợp giúp giảm nguy cơ tai nạn, đặc biệt với những người mới học bơi. Phát triển kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao: Việc phân loại bài tập theo trình độ giúp xây dựng nền tảng vững chắc và tiến bộ nhanh hơn.

Nội dung được đội ngũ GVDB đánh giá với mức đồng ý thấp nhất là *"GV có hướng dẫn và nhắc nhở về các quy tắc an toàn khi bơi không?*" đạt ĐTB 3,38 đạt mức 3 mức trung lập. Nội dung này các em SV đánh giá xếp thứ 10 đạt mức trung lập. Hướng dẫn và nhắc nhở về các quy tắc an toàn khi bơi trong quá trình dạy bơi là rất quan trọng vì: Đảm bảo an toàn cho học viên: Giảm nguy cơ tai nạn như đuối nước hoặc chấn thương trong suốt quá trình học. Tạo thói quen tuân thủ nguyên tắc: Giúp học viên nhận thức rõ ràng về trách nhiệm của bản thân khi tham gia bơi lội, kể cả ngoài giờ học. Xây dựng môi trường học tập an toàn: Tăng sự tin tưởng của học viên và phụ huynh đối với giảng viên và lớp học.

Để hiểu rõ hơn về hoạt động dạy học môn bơi lội chúng tôi tiến hành lấy ý kiến đánh giá của GVDB1, GVDB 1 cho rằng: *"Đội ngũ giảng viên dạy bơi đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo an toàn, phát triển thể chất và kỹ năng sống cho người học. Trước hết, giảng viên là những người trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật bơi, từ cơ bản đến nâng cao, giúp người học nắm vững kỹ năng và đạt hiệu quả tập luyện tối ưu."*

Như vậy, qua kết quả khảo sát kết hợp với phỏng vấn cho rằng đội ngũ GV có vai trò quan trọng trong quá trình giảng dạy bơi lội, qua các nội dung khảo sát đạt mức đồng ý ở mức 4. Tuy nhiên vẫn còn một vài nội dung đáng giá đạt mức trung lập. Vì vậy, việc bồi dưỡng cập nhật kiến thức bơi lội cho đội ngũ GV là cần thiết, nhằm góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả môn bơi lội.

3.2. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ cho dạy - học môn bơi

Kết quả khảo sát tổng hợp ý kiến đánh giá của đội ngũ GVDB và SV về thực trạng cơ sở vật chất phục vụ cho dạy - học môn bơi đạt điểm trung bình chung cả 02 nhóm đối tượng lần lượt là 3,31 với ĐLC là 0,65 của nhóm GVDB đạt mức 3 mức trung lập. Đồng thời, các em SV cũng đánh giá với ĐTB chung 3,17 và ĐLC 0,56 vẫn ở mức 3 mức trung lập, cụ thể như sau:

Nội dung được đội ngũ GVDB đánh giá cao nhất là *"Trang thiết bị hỗ trợ học bơi (phao, kính bơi, thang bơi, ...) có đầy đủ và chất lượng không?",* đạt ĐTB 3,41 đạt mức 3 mức đồng ý. Đồng thời, nội dung này SV đánh giá xếp vị trí thứ 2 đạt mức 4 mức trung lập. Theo đó, trang thiết bị hỗ trợ học bơi đầy đủ và chất lượng giúp đảm bảo an toàn, tăng hiệu quả học tập, và tạo sự thoải mái, tự tin cho người học.

Nội dung được đội ngũ GVDB đánh giá thấp nhất là *"Bạn có cảm thấy trang thiết bị được bảo trì và kiểm tra thường xuyên không?"*, đạt ĐTB 3,20 đạt mức 3, mức trung lập. Các em SV đánh giá nội dung này xếp thứ 8 với ĐTB 3,12 đạt mức 3, mức trung lập. Theo đó, việc này giúp đánh giá mức độ tin cậy và hiệu quả của công tác bảo trì thiết bị. Rất quan trọng vì đảm bảo thiết bị luôn hoạt động ổn định, an toàn, kéo dài tuổi thọ và giảm nguy cơ sự cố, từ đó nâng cao hiệu quả công việc và sự hài lòng của người sử dụng.

Để hiểu thêm vấn đề này chúng tôi trao đổi với GVDB 2, GVDB2 cho biết: *"Cơ sở vật chất phục vụ dạy - học môn bơi ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả dạy bơi, vì điều kiện tốt (bể bơi đạt chuẩn, thiết bị an toàn, tiện nghi hỗ trợ) tạo môi trường học tập hiệu quả, giúp sinh viên thực hành*

kỹ năng, tăng hứng thú và đảm bảo an toàn, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo."

Như vậy, qua kết quả khảo sát kết hợp với phỏng vấn thì cơ sở vật chất đóng vai trò quan trọng trong quá trình dạy bơi cho SV. Tuy nhiên, kết quả chỉ đạt mức trung lập chưa đồng ý nhiều từ các nội dung khảo sát, từ đó là ảnh hưởng đến kết quả công tác dạy bơi cho SV trong giai đoạn hiện nay.

2.3.3. Thực trạng chương trình dạy môn bơi

Kết quả khảo sát tổng hợp ý kiến đánh giá của đội ngũ GVDB và SV về thực trạng chương trình dạy bơi cho SV không chuyên đạt điểm trung bình chung cả 02 nhóm đối tượng lần lượt là 3,24 với ĐLC là 0,62 của nhóm GVDB đạt mức 3 mức trung lập. Đồng thời, các em SV cũng đánh giá với ĐTB chung 3,55 và ĐLC 0,56 vẫn ở mức 4 mức đồng ý, cụ thể như sau:

Nội dung được đội ngũ GVDB đánh giá cao nhất là *"Các bài học có được tổ chức theo thứ tự hợp lý và logic không?"*, đạt ĐTB 3,38 đạt mức 3 mức trung lập. Đối với nội dung này các em SV đánh giá xếp thứ 4 với ĐTB 3,59 đạt mức 4 mức đồng ý. Cho thấy có sự đánh giá khác biệt giữa GVDB và SV, lý do sự chênh lệch này là các em SV là những người trực tiếp tham gia các lớp các bài học nhằm nâng cao năng lực bơi lội trong quá trình tham gia học tập.

Nội dung được đội ngũ GVDB đánh giá thấp nhất là *"Bạn có được cung cấp các tài liệu bổ trợ để tự học thêm ngoài giờ học không?"*, đạt ĐTB 2,91 đạt mức 3 mức trung lập, các em SV cũng đánh giá xếp thấp nhất, đạt ĐTB 3,40 đạt mức 3 mức trung lập. Theo đó, môn bơi lội có tính đặc thù cần có GV hỗ trợ giám sát, việc tự học ngoài giờ chưa đem lại mức hiệu quả.

Để hiểu thêm vấn đề này chúng tôi trao đổi với GVDB 3, GVDB3 cho biết: *"Chương trình dạy bơi ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả dạy bơi vì nó định hướng nội dung, phương pháp giảng dạy và phân bổ thời gian hợp lý. Một chương trình khoa học, phù hợp giúp sinh viên tiếp cận kỹ thuật hiệu quả, rèn luyện kỹ năng thực tế và đạt mục tiêu học tập tốt hơn."*

Như vậy, qua kết quả khảo sát kết hợp với phỏng vấn đánh giá chương trình dạy bơi được các em SV đồng ý, nhưng đối với GVDB còn nhiều ý kiến phân vân. Mặt khác, để nâng cao chất lượng môn bơi thì yếu tố quan trọng là chương trình dạy bơi phải thật phù hợp đảm bảo giữa lý thuyết và thực hành. Đồng thời, đảm bảo thời lượng và tố chất thể lực của người học. Vì vậy, việc phát triển chương trình dạy bơi cập nhật phù hợp với đặc điểm tố chất của SV là cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng dạy bơi cho SV không chuyên tại trường Đại học Đồng Tháp, trong giai đoạn hiện nay.

3.4. Thực trạng kết quả học tập môn bơi của sinh viên

Trường Đại học Đồng Tháp đã triển khai giảng dạy môn Bơi lội dành cho sinh viên hệ chính quy nhằm đánh giá thực trạng hoạt động dạy và học môn học này. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy. Để thực hiện nghiên cứu, tác giả tiến hành thu thập và phân tích kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên trong hai học kỳ. Kết quả thu được thể hiện thông qua biểu đồ dưới đây.

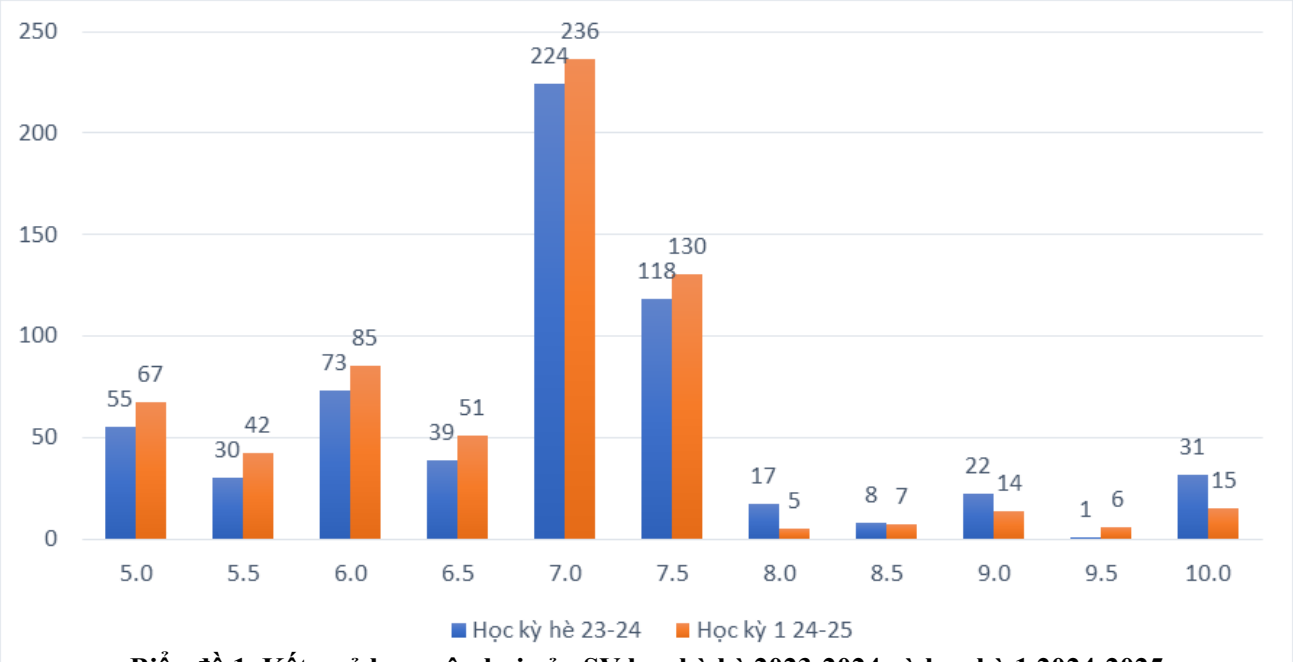

Biểu đồ 1. Kết quả học môn bơi của SV học kỳ hè 2023-2024 và học kỳ 1 2024-2025
(Nguồn: Phòng Đảm bảo Chất lượng tháng 12/2024)

Qua biểu đồ 1, thể hiện phổ điểm của SV ở học kỳ hè năm học 2023-2024 có 224 SV đạt điểm 7 và cũng có 236 SV ở học kỳ 1 năm học 2024-2025. Qua đó, phổ điểm ở mức khá chiếm tỷ lệ cao, mức trung bình khá điểm từ 5.0 đến 6.5 chiếm tỷ lệ lớn. Theo đó, các điểm từ 8.0 đến 10 chiếm tỷ lệ thấp. Với phổ điểm cho thấy mức điểm trung bình đạt khá cao, tuy nhiên, tỷ lệ SV đạt mức điểm khá giỏi lại tương đối thấp. Hiện tượng này có thể xuất phát từ một số nguyên nhân sau: (1) Về mức độ phân hóa của bài kiểm tra kết thúc: Nếu yêu cầu bài kiểm tra cuối khoá có độ khó không quá cao nhưng cũng không đủ tính phân loại mạnh, phần lớn SV có thể đạt mức điểm trung bình khá, nhưng ít em đạt điểm giỏi do thiếu các câu hỏi có tính thử thách cao. (2) Về phương pháp đánh giá: Nếu tiêu chí đánh giá chưa thực sự phân tầng rõ ràng, SV dễ đạt mức điểm khá nhưng khó đạt đến mức giỏi. Điều này có thể liên quan đến cách xây dựng đề kiểm tra, thang điểm hoặc các yếu tố đánh giá định tính khác. (3) Về chất lượng dạy và học: Chương trình giảng dạy có thể giúp SV đạt được nền tảng kiến thức vững chắc ở mức khá, nhưng chưa đủ các yếu tố nâng cao để bồi dưỡng nhóm SV xuất sắc. Điều này có thể phản ánh trong phương pháp giảng dạy chưa khuyến khích tư duy sáng tạo hoặc khả năng vận dụng kiến thức ở mức độ cao. (4) Về tâm lý và chiến lược rèn luyện của SV: SV có thể tập trung vào việc đạt điểm an toàn ở mức khá thay vì cố gắng đạt điểm giỏi do áp lực thi cử, thời gian làm tập luyện hạn chế hoặc thiếu kỹ năng xử lý các tình huống trong nước. (5) Nếu chương trình giáo dục được thiết kế nhằm đảm bảo SV đạt mức trung bình khá để phổ cập kiến thức chung, nhưng chưa chú trọng đến việc phát hiện và phát triển SV có năng lực vượt trội, điều này cũng có thể dẫn đến tỷ lệ điểm giỏi thấp.

Như vậy, để nâng cao tỷ lệ SV đạt mức điểm cao, cần có các giải pháp như tăng cường các dạng bài tập có tính phân hóa, đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích tư duy bậc cao, đồng thời cải tiến cách thức đánh giá để phản ánh đúng năng lực SV.

2.3.5. Thực trạng đánh giá những khó khăn trong quá trình học bơi

Kết quả khảo sát tổng hợp ý kiến đánh giá của đội ngũ GVDB và SV về thực trạng những khó khăn trong quá trình học bơi đạt điểm trung bình chung cả 02 nhóm đối tượng lần lượt là 3,26 với ĐLC là 0,60 của nhóm GVDB đạt mức 3 mức trung lập. Đồng thời, các em SV cũng đánh giá với ĐTB chung 3,53 và ĐLC 0,54 vẫn ở mức 4 mức đồng ý, cụ thể như sau:

Nội dung được đội ngũ GVDB đánh giá cao nhất là *"Bạn có gặp khó khăn khi học các kỹ thuật bơi cơ bản (bơi sải, bơi ếch, ...) không"*, đạt ĐTB 3,38 đạt mức 3 mức trung lập. Tuy nhiên đối với các em SV đánh giá nội dung xếp thứ 3 với ĐTB 3,59 đạt mức 4 mức gặp khó khăn. Theo đó, việc gặp khó ở nội dung này do thời lượng chương trình học, sĩ số lớp và điều kiện tập luyện chưa phù hợp, dẫn đến có sự đánh giá chưa đồng điều;

Nội dung đánh giá thấp nhất là *"Bạn có cảm thấy giảng viên không đáp ứng kịp thời khi bạn gặp khó khăn không?*" GVDB đánh giá đạt mức 3 mức trung lập với ĐTB 3,13 các em SV đánh giá đạt mức 4 với ĐTB 3,47 đạt mức gặp khó khăn. Thật vậy, nội dung bơi là nội dung mới được đưa vào chương trình giảng dạy gần đây, do đó việc đánh giá đội ngũ giảng viên chưa đáp ứng là tất yếu, do chưa nhiều kinh nghiệm giảng dạy.

Để hiểu thêm vấn đề này chúng tôi trao đổi với GVDB 4, GVDB4 cho biết*: "Quá trình giảng dạy môn bơi tại Trường Đại học Đồng Tháp gặp phải một số khó khăn chủ yếu như sau: (1) Hệ thống hồ bơi, trang thiết bị phục vụ giảng dạy còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng thực hành và an toàn cho SV. (2) Nhiều SV chưa có kỹ năng bơi cơ bản, dẫn đến sự chênh lệch về năng lực tiếp thu, gây khó khăn trong công tác giảng dạy theo tiến độ chung. (3) Một số SV có tâm lý sợ nước hoặc chưa quen với môi trường bơi lội, ảnh hưởng đến quá trình học tập và thực hành. (4) Đội ngũ giảng viên cần đáp ứng yêu cầu vừa có chuyên môn cao vừa có kỹ năng sư phạm phù hợp để hướng dẫn SV an toàn, hiệu quả."*

Như vậy, qua kết quả khảo sát kết hợp với phỏng vấn thì việc tổ chức dạy học bơi ở trường Đại học Đồng Tháp còn gặp một số khó khăn nhất định. Trong đó, điều kiện cơ sở vật chất, tâm lý sv và chất lượng đội ngủ GV ảnh hưởng đến chất lượng quá trình dạy và học bơi. Vì vậy, cần triển khai đồng bộ nhiều biện pháp trong đó cần chú ý đến nâng cao chất lượng đội ngũ GV tham gia quá trình dạy môn bơi là điều kiện tiên quyết nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng môn bơi tại trường Đại học Đồng Tháp, trong giai đoạn hiện nay.

III. KẾT LUẬN

Để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học (HĐDH) môn bơi cho sinh viên không chuyên tại Trường Đại học Đồng Tháp, nghiên cứu đề xuất triển khai đồng bộ nhiều biện pháp trên cơ sở các yếu tố được đánh giá thấp. Thứ nhất, về đội ngũ giảng viên, cần tăng cường vai trò động viên, hướng dẫn cá nhân hóa và nhấn mạnh các quy tắc an toàn trong suốt quá trình giảng dạy. Thứ hai, cải thiện cơ sở vật chất với việc bảo trì thiết bị, đảm bảo vệ sinh khu vực thay đồ và nhà vệ sinh, bố trí đầy đủ biển báo an toàn, nội quy và thiết bị cứu hộ. Thứ ba, chương trình giảng dạy cần bổ sung tài liệu học tập trực tuyến, tạo nhóm hỗ trợ qua mạng xã hội và điều chỉnh thời lượng phù hợp với thể lực sinh viên. Thứ tư, với sinh viên yếu, cần xây dựng mục tiêu cụ thể, tạo động lực tâm lý, thực hành trong môi trường an toàn và tổ chức kiểm tra định kỳ. Cuối cùng, để khắc phục khó khăn về hơi thở, giảng viên cần hướng dẫn kỹ năng hít thở hiệu quả, theo dõi sát sao và đưa ra bài tập cá nhân hóa phù hợp. Việc triển khai hiệu quả các giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn bơi, đảm bảo mục tiêu phát triển thể chất và an toàn cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chính phủ (2016*). Về việc tăng cường chỉ đạo, thực hiện phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước cho học sinh, trẻ em. Chỉ thị số 17/CT-TTg, ngày 16-05-2016.*

Chính phủ. (2021). *Phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2021 - 2030. Quyết định số 1248/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 19-07-2021.*

Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu & Nguyễn Đức Văn (2004). *Đo lường thể thao. Hà Nội: NXB TDTT. Nguyễn Thị Thư, Lê Thanh Thủy & Lê Tuấn Hiệp (2018). Giáo trình bơi lội*. Hà Nội: NXB Thể dục thể thao.

Nguyễn Duy Quyết, Vũ Văn Thịnh & Nguyễn Văn Thuật (2019), *Bơi và Phương pháp giảng dạy. Hà Nội: NXB Dân Trí.*

Nguyễn Xuân Sinh (2012), *Giáo trình nghiên cứu khoa học thể dục thể thao.* Hà Nội: NXB TDTT.